

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**NGÂN HÀNG TMCP**  
**SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 47

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0034/NH-GP ngày 04 tháng 5 năm 1993 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300610408 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 8 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22 tháng 6 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 04 tháng 8 năm 1993.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3914 3177 - +84 (028) 3914 3178
- Fax : +84 (028) 3914 3193

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác, cho vay ngắn trung dài hạn, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ nội địa có thương hiệu SAIGON BANK Card; dịch vụ kinh doanh khách sạn và ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Quang Lâm	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Giang	Thành viên
Ông Trần Quốc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Trí	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Khanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Kim Lệ	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Thị Kiều Phước	Trưởng ban
Bà Vũ Quỳnh Mai	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Đào Phương Linh	Kiểm soát viên



# NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Thanh Giang	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Nguyệt Minh	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Ngọc Lũy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Hồng Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Loan Anh	Kế toán trưởng

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Lãm - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Vũ Quang Lãm đã ủy quyền cho Trần Thanh Giang - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định số 410/GUQ-SGB ngày 03 tháng 9 năm 2019.

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Ngân hàng trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

0610  
AN HÂN  
G MAICÔ  
SÀI GÒN  
G THƯỞI  
P HỒ C

3004498  
CÔNG T  
CH NHIỆM H  
I TOÁN VÀ  
A & I  
VH-T.P.H

# NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *Trần Thanh Giang*



**Trần Thanh Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2020





Số: 1.1223/20/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2019 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 26 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020



**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B02/TCTD

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

		Đơn vị tính: triệu VND	
	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN</b>			
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.1</b>	<b>210.384</b>	<b>174.299</b>
<b>II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>V.2</b>	<b>652.564</b>	<b>784.793</b>
<b>III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>		<b>3.124.217</b>	<b>4.968.344</b>
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3.1	3.005.417	4.469.694
2. Cho vay các TCTD khác	V.3.2	120.000	500.000
3. Dự phòng rủi ro	V.3.3	(1.200)	(1.350)
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
<b>V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>V.4</b>	<b>2.953</b>	<b>668</b>
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>14.037.963</b>	<b>14.442.297</b>
1. Cho vay khách hàng	V.5	14.151.251	14.556.951
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(113.288)	(114.654)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>V.7</b>	<b>840.786</b>	<b>819.628</b>
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.7	1.006.877	1.050.857
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.7	(166.091)	(231.229)
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>V.8</b>	<b>711.850</b>	<b>711.850</b>
1. Đầu tư vào công ty con	V.8	612.503	612.503
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	V.8	125.655	125.655
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	V.8	(26.308)	(26.308)
<b>X. Tài sản cố định</b>		<b>1.167.441</b>	<b>1.191.024</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	743.052	764.791
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.218.578	1.215.623
b. Hao mòn tài sản cố định		(475.526)	(450.832)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	424.389	426.233
a. Nguyên giá tài sản cố định		511.841	511.841
b. Hao mòn tài sản cố định		(87.452)	(85.608)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
<b>XII. Tài sản có khác</b>		<b>430.439</b>	<b>327.705</b>
1. Các khoản phải thu	V.11	101.998	69.255
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.12	276.128	206.806
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản có khác	V.13	52.313	51.644
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN CỐ</b>		<b>21.178.597</b>	<b>23.420.608</b>



**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B02/TCTD

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

	Thuyết minh	Số cuối kỳ ✓	Số đầu năm ✓
<b>B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>		-	-
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>V.14</b>	<b>524.085</b> ✓	<b>3.219.593</b> ✓
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.14	521.390 ✓	2.965.925 ✓
2. Vay các TCTD khác	V.14	2.695 ✓	253.668 ✓
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>V.15</b>	<b>16.590.288</b> ✓	<b>16.277.630</b> ✓
<b>IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>		-	-
<b>V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>		-	-
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>		-	-
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>		<b>399.747</b> ✓	<b>362.506</b> ✓
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.16	302.180 ✓	248.579 ✓
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.17	97.567 ✓	113.927 ✓
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>17.514.120</b> ✓	<b>19.859.729</b> ✓
<b>VIII. Vốn và các quỹ</b>	<b>V.18</b>	<b>3.664.477</b> ✓	<b>3.560.879</b> ✓
1. Vốn của TCTD		3.080.716	3.080.716
a. Vốn điều lệ	V.18	3.080.000	3.080.000
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần	V.18	716	716
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.18, 19	287.460 ✓	287.460 ✓
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.18	1.827 ✓	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.18	294.474 ✓	192.703 ✓
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>21.178.597</b> ✓	<b>23.420.608</b> ✓

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B02/TCTD

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-	-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.4	2.436.525	✓	926.800	✓
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		-		-	
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		-		-	
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	VIII.4	2.436.525	✓	926.800	✓
<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>		-		-	
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-		-	
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	171.860	✓	91.729	✓
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	236.453	✓	162.980	✓
6. Các cam kết khác		-		-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập

Phạm Thị Mùa  
Kế toán viên

Người kiểm soát

Đỗ Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Thanh Giang  
Tổng Giám đốc

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B03/TCTD

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	784.692	755.725
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	473.873	441.224
	<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>310.819</b>	<b>314.501</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	26.795	31.985
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	10.399	10.441
	<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.3</b>	<b>16.396</b>	<b>21.544</b>
	<b>III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.4</b>	<b>16.986</b>	<b>4.985</b>
	<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>VI.5</b>	<b>(40)</b>	<b>-</b>
	<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	32.282	12.507
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	666	1.461
	<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.6</b>	<b>31.616</b>	<b>11.046</b>
	<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>VI.7</b>	<b>200</b>	<b>200</b>
	<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.8</b>	<b>242.696</b>	<b>220.951</b>
	<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>133.281</b>	<b>131.325</b>
	<b>X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>V.3.3, 6, 7</b>	<b>6.117</b>	<b>44.204</b>
	<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>127.164</b>	<b>87.121</b>
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	25.393	17.384
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
	<b>XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>25.393</b>	<b>17.384</b>
	<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>101.771</b>	<b>69.737</b>
	<b>XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VI.9</b>		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập


Phạm Thị Mùa  
Kế toán viên

Người kiểm soát


Đỗ Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Thanh Giang  
Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B04/TCTD

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp trực tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		715.370	700.030
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(420.272)	(427.381)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	16.396	21.544
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	VI.4, 5	16.946	4.985
05.	Thu nhập khác		(412)	(1.377)
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	32.012	12.413
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(216.056)	(195.624)
08.	Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(35.454)	(9.781)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>108.530</b>	<b>104.809</b>
	<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		380.000	(75.000)
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		39.188	636.037
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(2.285)	-
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		405.700	(510.291)
13.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(72.771)	(9.005)
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(24.978)	(39.548)
	<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		(2.695.508)	943.606
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà		312.658	(90.642)
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(6.299)	(30.202)
22.	Chi từ các quỹ của TCTD		-	-
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(1.555.765)</b>	<b>929.764</b>

# NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2C, Đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B04/TCTD

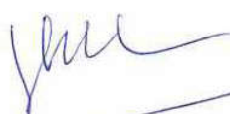
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
01.	Mua sắm tài sản cố định	V.9, 11	(6.699) ✓	(437) ✓
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	VI.6	16 ✓	10 ✓
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.7	200 ✓	200 ✓
<b>II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư</b>			<b>(6.483) ✓</b>	<b>(227) ✓</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>			<b>(1.562.248) ✓</b>	<b>929.537 ✓</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>			<b>5.428.786 ✓</b>	<b>3.275.775 ✓</b>
<b>VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>			<b>1.827 ✓</b>	<b>2.258 ✓</b>
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ</b>			<b>3.868.365 ✓</b>	<b>4.207.570 ✓</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập



Phạm Thị Mùa  
Kế toán viên

Người kiểm soát



Đỗ Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Thanh Giang  
Tổng Giám đốc